TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1086/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hàn Hòa Thuận.

2/ Ông Hà Đức Kiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3233/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim K, sinh năm 1989.
Địa chỉ: 61 Đại lộ A, tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 168 F (Lầu G), phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông S, sinh năm 1982.
Quốc tịch: Thụy Điển.

Địa chỉ: 415 18 Goteborg, Thụy Điển.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018, bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2018 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim K trình bày:

Bà và ông S tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/9/2017. Trong quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên có những mâu thuẫn về công việc,

tính cách cũng như quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau giải quyết nhưng đều không có sự thống nhất. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông S để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Huỳnh Thị Kim K khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim K khai không có.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2018 của ông S đã được công chứng số 000683 quyển số 01 lập ngày 04/6/2018 tại Văn phong Công chứng Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, ông S trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Kim K tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 35/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/9/2017. Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Vợ chồng không thể thông cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống. Hai vợ chồng đã cố gắng tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả. Nay bà K yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn để hai bên có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 05/6/2018, bà Huỳnh Thị Kim K có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 04/6/2018 của ông S đã được công chứng số 000684 quyển số 01 lập ngày 04/6/2018 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, ông S trình bày: Do bận công việc nên ông không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ việc ly hôn, nên kính đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ việc ly hôn vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông S đang cư ngụ hợp pháp tại Thụy Điển thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Huỳnh Thị Kim K và ông S đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim K nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 35/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/9/2017 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì trong quá trình sống chung hai vợ chồng bà bà K và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Cả hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng vẫn không đạt được kết quả như mong muốn. Ông S cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà K và ông S mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà K ly hôn ông S là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim K.

Quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim K được ly hôn với ông S.

Giấy đăng ký kết hôn số 35/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/9/2017 cho bà Huỳnh Thị Kim K và ông S không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim K phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0044556 ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Huỳnh Thị Kim K nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông S thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt